

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số : 01/2024/BC-BDS

Ngày : 01/2024

Trang : 10

Khách hàng yêu cầu TĐG : (Bà) PHẠM THỊ TỔ UYÊN

Tài sản thẩm định giá : Quyền sử dụng đất

Địa điểm thẩm định giá : Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Mục đích thẩm định giá : Tư vấn giá trị tài sản để Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam xét cấp tín dụng

Thời điểm thẩm định giá : Tháng 01 năm 2024

1. Cơ sở giá trị:

Báo cáo kết quả thẩm định giá được Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thương Tín (Sacomvalue) thực hiện một cách khoa học và chuyên nghiệp dựa trên những cơ sở và tiêu chuẩn sau:

1.1. Cơ sở pháp lý làm nền tảng thẩm định giá:

- Căn cứ hợp đồng tư vấn - dịch vụ thẩm định giá số 0070124/TT/TĐG, ngày 04/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thương Tín và (Bà) Phạm Thị Tố Uyên.
- Căn cứ Hồ sơ pháp lý được khách hàng cung cấp ngày 01/2024.
- Căn cứ việc thẩm định hiện trạng thực tế và khảo sát thị trường tại thời điểm thẩm định 05/01/2024.
- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012 của Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/06/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014.
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014.
- Nghị định số 89/2013/NĐ - CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá, có hiệu lực thi hành từ ngày 25/09/2013.
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực thi hành từ ngày 03/03/2017.
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định về giá đất, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014.
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014.
- Thông tư số 38/2014/TT - BTC ngày 28/03/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/05/2014.
- Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04.
- Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07.
- Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09 và 10.
- Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 11.

Sacomvalue đã tiến hành thẩm định và phát hành Chứng thư thẩm định giá.

1.2. Cơ sở giá trị của thẩm định giá:

Căn cứ vào mục đích thẩm định giá và đặc điểm của tài sản, Sacomvalue chọn cơ sở giá trị thị trường để thẩm định giá.

“**Giá trị thị trường**” là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một

bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc (TĐGVN02).

1.3. Các nguyên tắc được sử dụng trong thẩm định giá:

- Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất: Việc sử dụng tốt nhất và có hiệu quả nhất của tài sản là đạt được mức hữu dụng tối đa trong những hoàn cảnh kinh tế - xã hội thực tế phù hợp, có thể cho phép về mặt kỹ thuật, về pháp lý, về tài chính và đem lại giá trị lớn nhất cho tài sản.
- Nguyên tắc dự tính lợi ích tương lai: Giá trị của tài sản có thể được xác định bằng việc dự tính khả năng sinh lợi trong tương lai.
- Các nguyên tắc khác: Thay thế, đóng góp, cung - cầu...

2. Đặc điểm tài sản thẩm định giá:

2.1. Đặc điểm pháp lý:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 086815, số vào sổ cấp GCN: **CS 11893**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 22/04/2020. Cập nhật chủ tài sản mới nhất ngày 31/10/2023. Cập nhật địa chỉ thửa đất mới nhất ngày 31/10/2023.

Người đứng tên giấy chứng nhận: **(Bà) Nguyễn Thị Ánh Linh.**

- Trích lục bản đồ địa chính tại thửa đất số 977, tờ bản đồ số 8, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa cấp ngày 25/09/2023.

2.2. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật:

📌 Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 13, tờ bản đồ số: 48
- Vị trí địa lý:
 - Tài sản thẩm định tọa lạc tại : Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
 - Hướng tài sản thẩm định : Hướng Đông Bắc tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Các hướng còn lại tiếp giáp bất động sản khác.
 - Khả năng tiếp cận : Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 4m. Tài sản cách đường Mỹ Hạnh khoảng 1,3km, cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 160m.

- Diện tích : 334,0m²;
- Kích thước : Chiều rộng mặt tiền khoảng 13,5m
Chiều dài khoảng 31,5m
- Hình dáng : Tóp hậu
- Hình thức sử dụng : Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng : Đất ở tại nông thôn
- Hiện trạng : Đất trống
- Thời hạn sử dụng : Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng : Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Cảnh quan, môi trường : Khu dân cư hiện hữu, thích hợp để ở hoặc cho thuê.
- Thông tin quy hoạch (nếu có) : Tại thời điểm thẩm định giá, tham khảo App thông tin quy hoạch tỉnh Long An, tài sản có chức năng sử dụng đất là: Đất ở nông thôn và đất chuyên trồng lúa nước.

📌 Ghi chú:

+ Tại thời điểm thẩm định giá, theo khảo sát thực tế dưới sự hướng dẫn của đại diện khách hàng, hướng Nam tài sản thẩm định giá nằm cạnh khu mộ, cách mộ khoảng 3m.

3. Phương thức tiến hành:

- Thẩm định hiện trạng bất động sản do Sacomvalue thực hiện dưới sự hướng dẫn của khách hàng.
- Các hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan đến tài sản thẩm định giá được thu thập trên thị trường và thông tin từ ngân hàng dữ liệu của Sacomvalue.
- Các hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan đến tài sản thẩm định giá do khách hàng yêu cầu thẩm định cung cấp.
- Tham khảo, nghiên cứu, phân tích và so sánh giá thị trường thời điểm tháng 01 năm 2024.

4. Cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá:

- Thẩm định giá trị quyền sử dụng đất: sử dụng cách tiếp cận từ thị trường, phương pháp so sánh.
- Lập luận: Sau khi xem xét và đánh giá các đặc điểm của tài sản thẩm định giá, phân tích thị trường và động thái người mua, Sacomvalue chọn phương pháp so sánh - cách tiếp cận từ thị trường là phương pháp thẩm định giá. Đồng thời, do hạn chế về thông tin thu thập và số liệu đầu vào nên các phương pháp khác không đủ cơ sở để tính toán.

5. Ước tính giá trị tài sản thẩm định (TSTĐ):

5.1. Quyền sử dụng đất

- Thông tin thị trường:

a. Bảng thông tin các tài sản so sánh (TSSS):

Qua khảo sát và điều tra thị trường, Sacomvalue thu thập được các thông tin giao dịch như sau:

Stt	Nội dung		Tài sản thẩm định giá	Tài sản so sánh		
				TSSS 01	TSSS 02	TSSS 03
1	Nguồn thông tin					
2	Thông tin liên lạc			Liên hệ 0909216796	Liên hệ 0937866293	Liên hệ 0786797899
3	Tình trạng giao dịch			Đang giao dịch tháng 01/2024	Đang giao dịch tháng 01/2024	Đang giao dịch tháng 01/2024
4	Địa chỉ		Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 26 xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Thửa đất số 1269, tờ bản đồ số 4 xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Thửa đất số 1787, tờ bản đồ số 12 xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
5	Pháp lý		Giấy tờ hợp lệ	Giấy tờ hợp lệ	Giấy tờ hợp lệ	Giấy tờ hợp lệ
6	Vị trí		Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 4m	Tài sản tiếp giáp đường đá xanh hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường rộng khoảng 5m	Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 4,5m	Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 3m
7	Khả năng tiếp cận		Tài sản cách đường Mỹ Hạnh khoảng 1,3km, cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 160m	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 1,3km	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 250m	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 600m
8	Đặc điểm kinh tế - kỹ	Diện tích đất (m ²)	334,00	229,00	345,00	291,00
		+ Đất ở	334,00	229,00	345,00	291,00
	Chiều rộng lô	#13,5	#9,5	#10	#6,5	

	thuật	đất (m)				
		Chiều dài lô đất (m)	#31,5	#24	#35	#25
		Hình dáng	Tóp hậu	Cân đối	Cân đối	Hình đa giác nhiều góc cạnh
		Mục đích sử dụng đất	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn
		Hiện trạng trên đất	Đất trống	Đất trống	Đất trống	Đất trống
9	Môi trường kinh doanh	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê	
10	Cơ sở hạ tầng	Hoàn thiện	Hoàn thiện	Hoàn thiện	Hoàn thiện	
11	Giao thông	Thuận tiện	Thuận tiện	Thuận tiện	Thuận tiện	
12	Cảnh quan môi trường	Hướng Nam tài sản nằm cạnh khu mộ, cách mộ khoảng 3m	Bình thường	Bình thường	Bình thường	
13	Giá rao bán (đồng)		2.500.000.000	2.950.000.000	2.500.000.000	
	Giá giao dịch ước tính (đồng)		2.200.000.000	2.714.000.000	2.150.000.000	
14	Giá trị QSDĐ (đồng)		2.200.000.000	2.714.000.000	2.150.000.000	
15	Đơn giá QSDĐ (đồng/m ²)		9.607.000	7.867.000	7.388.000	

➤ **Nhận xét:**

- Các giao dịch mua bán trên là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở người mua và người bán có đầy đủ thông tin như nhau.
- Các mức giá giao dịch trên đã phản ánh hợp lý giá trị thị trường của các tài sản giao dịch.
- Có thể sử dụng các giao dịch này làm tài sản TSSS để ước tính giá trị TSTD.

b. Phân tích định lượng

Stt	Yếu tố so sánh	Tài sản thẩm định giá	Tài sản so sánh		
			TSSS 01	TSSS 02	TSSS 03
A	Đơn giá QSDĐ (trước điều chỉnh) (đ/m ²)		9.607.000	7.867.000	7.388.000
B	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh				
1	<i>Pháp lý</i>	Giấy tờ hợp lệ	Giấy tờ hợp lệ Tương đồng	Giấy tờ hợp lệ Tương đồng	Giấy tờ hợp lệ Tương đồng
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		0%	0%	0%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		0	0	0
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		9.607.000	7.867.000	7.388.000
2	<i>Vị trí</i>	Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 4m	Tài sản tiếp giáp đường đá xanh hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường rộng khoảng 5m	Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 4,5m	Tài sản tiếp giáp đường bê tông hướng ra đường Đức Hòa Thượng, đường bê tông rộng khoảng 3m
			Lợi thế hơn	Lợi thế hơn	Kém lợi thế hơn
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		-3,00%	-3,00%	3,00%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		-288.210	-236.010	221.640
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		9.318.790	7.630.990	7.609.640
3	<i>Khả năng tiếp cận</i>	Tài sản cách đường Mỹ Hạnh khoảng 1,3km, cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 160m	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 1,3km	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 250m	Tài sản cách đường Đức Hòa Thượng khoảng 600m
			Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		0%	0%	0%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		0	0	0
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		9.318.790	7.630.990	7.609.640
4	<i>Quy mô (m²)</i>	334,00	229,00	345,00	291,00
			Lợi thế hơn	Tương đồng	Lợi thế hơn

	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		-8%	0%	-3%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		-768.560	0	-221.640
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		8.550.230	7.630.990	7.388.000
5	<i>Lợi thế mặt tiền (m)</i>	#13,5	#9,5	#10	#6,5
			Kém lợi thế hơn	Kém lợi thế hơn	Kém lợi thế hơn
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		3%	3%	6%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		288.210	236.010	443.280
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		8.838.440	7.867.000	7.831.280
6	<i>Chiều dài thửa đất (m)</i>	#31,5	#24	#35	#25
			Lợi thế hơn	Tương đồng	Lợi thế hơn
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		-4%	0%	-4%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		-384.280	0	-295.520
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		8.454.160	7.867.000	7.535.760
7	<i>Hình dáng</i>	Tóp hậu	Cân đối	Cân đối	Hình đa giác nhiều góc cạnh
			Lợi thế hơn	Lợi thế hơn	Kém lợi thế hơn
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		-6%	-6%	3%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		-576.420	-472.020	221.640
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		7.877.740	7.394.980	7.757.400
8	<i>Môi trường kinh doanh</i>	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê	Thích hợp để ở, cho thuê
			Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		0%	0%	0%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		0	0	0
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		7.877.740	7.394.980	7.757.400
9	<i>Giao thông</i>	Thuận tiện	Thuận tiện	Thuận tiện	Thuận tiện
			Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		0%	0%	0%
	<i>Mức điều chỉnh</i>		0	0	0
	<i>Giá sau điều chỉnh</i>		7.877.740	7.394.980	7.757.400
10	<i>Cảnh quan môi trường</i>	Hướng Nam tài	Bình thường	Bình thường	Bình thường

	sản nằm cạnh khu mộ, cách mộ khoảng 3m	Lợi thế hơn	Lợi thế hơn	Lợi thế hơn
<i>Tỷ lệ điều chỉnh</i>		-12%	-12%	-12%
<i>Mức điều chỉnh</i>		-1.152.840	-944.040	-886.560
<i>Giá sau điều chỉnh</i>		6.724.900	6.450.940	6.870.840
Mức giá chỉ dẫn (đồng/m²)		6.724.900	6.450.940	6.870.840
C Giá trị trung bình của mức giá chỉ dẫn (đồng/m ²)		6.682.227		
Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chỉ dẫn		0,64%	-3,46%	2,82%
D Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C				
Tổng giá trị điều chỉnh gộp (đồng)		3.458.520	1.888.080	2.290.280
Biên độ điều chỉnh (%)		-12% - 3%	-12% - 3%	-12% - 6%
Số lần điều chỉnh (lần)		6	4	6
Tổng giá trị điều chỉnh thuần (đồng)		-2.882.100	-1.416.060	-517.160

➤ **Kết luận:** Qua khảo sát, đánh giá các dữ liệu thị trường, phân tích những thuận lợi và hạn chế của tài sản thẩm định giá, phân tích động thái thị trường giao dịch bất động sản tại thời điểm thẩm định giá. Sacomvalue đánh giá đơn giá quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào thời điểm tháng 01 năm 2024 là: **6.682.227 đồng/m²**

6. Đánh giá kết quả thẩm định giá:

Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Đơn giá (VND/m ²)	Thành tiền (VND)
Quyền sử dụng đất ở	345,00	6.682.227	2.305.368.315
Làm tròn			2.305.000.000

Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm lẻ năm triệu đồng.

7. Các điều kiện kèm theo kết quả thẩm định giá:

- Diện tích đất Sacomvalue căn cứ vào giấy tờ pháp lý: Mục 2.1
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ xác nhận giá trị cho quyền sử dụng đất thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế kỹ thuật và hiện trạng được mô tả chi tiết như trên tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.
- Tại thời điểm thẩm định giá, theo khảo sát thực tế dưới sự hướng dẫn của đại diện khách hàng,

hướng Nam tài sản thẩm định giá nằm cạnh khu mộ, cách mộ khoảng 3m. Đề nghị quý ngân hàng lưu ý.

- Kết quả thẩm định giá trên chỉ phục vụ cho mục đích duy nhất nêu tại mục “**Mục đích thẩm định giá**” trang số 1 của Chứng thư. Khách hàng không được sử dụng sai mục đích thẩm định giá theo yêu cầu. Sacomvalue sẽ không chịu trách nhiệm nếu như khách hàng sử dụng kết quả thẩm định giá này cho bất kỳ mục đích nào khác.
- Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp, hướng dẫn tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.

Kết quả thẩm định này không có giá trị chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

TỔ THẨM ĐỊNH GIÁ

KIỂM SOÁT VIÊN

ĐÀO THẢO NGUYÊN
THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

PHAN THỊ NHƯ MAI
GIÁM ĐỐC

TRẦN VÕ LÊ THANH
(Thẻ TĐV số: XIV19.2313)

NGUYỄN HOÀNG HƯNG
(Thẻ TĐV số: IV06183)